MIRAE ASSET Securities

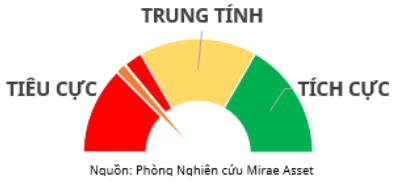
20 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,691.97	0.1	-6.8	3.4
HNX	257.96	0.0	-6.3	-1.9
UPCOM	125.22	0.2	-0.9	13.5
MSCI EM	1,617.86	-0.2	-5.4	17.0
NIKKEI	64,075.42	-1.3	-1.5	30.3
HANG SENG	23,867.74	-1.3	-3.6	-7.7
KOSPI	5,552.74	-3.7	-19.5	45.6
FTSE	10,712.32	-0.5	0.5	13.9
S&P 500	7,690.73	0.4	0.5	14.2
NASDAQ	26,430.89	1.1	-0.3	15.0

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.4	1.9	16.1
Indonesia	11.1	1.3	12.2
Philippines	8.7	1.2	11.6
Malaysia	13.9	1.5	10.4
Thailand	14.9	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-2	113
TPCP 10 năm	4.5	0	0	71

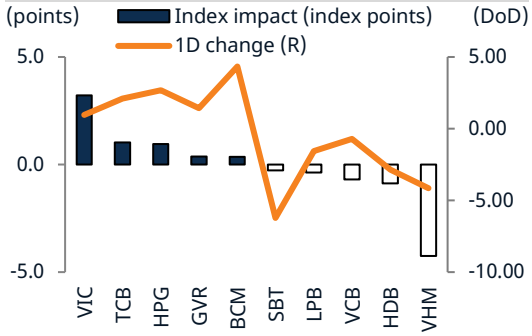
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,878	-0.1	-0.5	-1.8
US$/KRW	1,327.5	-0.4	-3.4	-6.5
US$/JPY	158.12	-0.2	0.5	4.9
US$/EUR	0.8910	-0.1	2.2	3.7
US$/GBP	0.7489	-0.4	0.1	0.4
US$/SGD	1.2784	-0.1	0.2	-1.2

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	512	462	583
HNX	22	26	32
UPCOM	15	15	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Nỗ lực cân bằng

VN-Index có phiên giao dịch tạo cây nến rút chân cho thấy điểm số đang tìm điểm cân bằng khi giảm về vùng đáy của tháng 07. Áp lực bán trên thị trường về cuối phiên thu hẹp khi VIC dừng giảm, nhóm Thép duy trì sự tích cực khi NKG, HPG, HSG tăng ấn tượng và nhóm cổ phiếu khỏe thuộc ngành Ngân hàng như TCB, VPB tiếp tục dẫn dắt.

VN-Index kết phiên tại 1.691,97 điểm, tăng 2,13 điểm (+0,13%). Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên liền trước với khối lượng khớp lệnh đạt 488 triệu cổ phiếu (-6% DoD), tương ứng 11.161 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng về số mã tăng với 188 mã, trong khi có 115 mã giảm và 65 mã đứng giá.

Top tác động tích cực lên chỉ số đến từ nhóm Vingroup (VIC, VPL, VRE), một số cổ phiếu Ngân hàng (TCB, STB, MSB) và các cổ phiếu riêng lẻ như HPG, MSN, GVR... Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh đến từ VHM với đóng góp hơn 4 điểm giảm cùng các cổ phiếu khác thuộc nhóm Ngân hàng (VCB, HDB, LPB, SSB).

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng so với các phiên liền trước, với giá trị khoảng 219 tỷ đồng trên sàn HOSE, chủ yếu từ ghi nhận tại ACB (-137 tỷ đồng), VHM (-136 tỷ đồng), KDC (-100 tỷ đồng). Chiều ngược lại ghi nhận mua ròng tại TCB (+345 tỷ đồng), HPG (+145 tỷ đồng) và FRT (+81 tỷ đồng)...

Phiên giao dịch tăng điểm, điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index nâng từ mức -5 điểm lên -4 điểm với trạng thái duy trì TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 12.4x.

Nguyễn Thị Kim Ngân, Analyst, 84-8-39102222, ngan.ntk@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (20/10/2026)	1.691	Kháng cự 1	1.720
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	1.800
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.650
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.600

VN-Index hình thành cây nến rút chân với điểm số đóng cửa tăng nhẹ so với mức tham chiếu và bóng nến dưới dài.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (20/10/2026)	1.850	Kháng cự 1	**1.900**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TRUNG TÍNH**	Kháng cự 2	**2.000**
VN30 - đóng cửa	1.845	Hỗ trợ 1	**1.800**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+4,49**	Hỗ trợ 2	**1.750**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	**TÍCH CỰC**
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M đóng cửa tăng điểm đi kèm thanh khoản cải thiện so với 6 phiên liền trước.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
SZC	Bất động sản	18,600	293,040	**89**	5	
GMD	Kho bãi, hậu cần	55,000	1,284,265	**77**	4	
TCB	Ngân hàng	33,950	19,374,276	**80**	7	
PLC	Nhựa đường	21,600	142,960	**99**	5	**Top sức mạnh ngành**
HSG	Thép	10,750	2,727,390	**78**	5	**Top sức mạnh ngành**
NKG	Thép	11,200	2,608,645	**83**	5	**Top sức mạnh ngành**
CTD	Xây dựng	66,000	386,240	**76**	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
TCB	33.95	19,374,276	7	KHẢ QUAN	240,578	8.4	1.3	658
TLG	56.9	252,240	7	KHẢ QUAN	5,492	14.3	2.2	14
HPG	21.1	18,347,884	5	KHẢ QUAN	178,148	7.9	1.3	387
SSI	19.95	18,687,684	5	KHẢ QUAN	59,637	11.8	1.5	373
VIX	12.15	26,421,704	5	KHẢ QUAN	31,259	14.4	1.0	321
SHS	12.6	9,749,870	5	KHẢ QUAN	11,333	11.2	0.9	123
CII	13.2	7,370,500	5	KHẢ QUAN	8,870	90.6	0.9	97
TCH	11.3	4,334,725	5	KHẢ QUAN	11,338	37.9	1.0	49
PDR	11.35	4,268,585	5	KHẢ QUAN	11,325	18.3	0.9	48
VCG	15.5	2,094,605	5	KHẢ QUAN	10,822	2.8	0.9	32
KBC	26.8	1,161,730	5	KHẢ QUAN	25,239	14.4	1.0	31
NT2	24.1	1,259,540	5	KHẢ QUAN	6,938	5.6	1.4	30
HSG	10.75	2,727,390	5	KHẢ QUAN	8,678	13.2	0.7	29
NKG	11.2	2,608,645	5	KHẢ QUAN	5,514	33.1	0.7	29
ORS	13.7	1,873,675	5	KHẢ QUAN	8,548	14.5	1.1	26
CTD	66	386,240	5	KHẢ QUAN	7,380	9.4	0.8	25
CTS	21.8	1,087,365	5	KHẢ QUAN	5,935	15.7	2.1	24
DBC	16.05	1,471,010	5	KHẢ QUAN	6,918	6.0	0.8	24
BCM	40.9	493,325	5	KHẢ QUAN	42,332	22.3	1.9	20
BVS	26.7	553,175	5	KHẢ QUAN	1,928	10.0	0.7	15
NVL	10.75	27,243,324	4	KHẢ QUAN	34,430	5.8	0.5	293
PNJ	19.75	14,296,450	4	KHẢ QUAN	10,107	4.2	0.8	282
CTG	30.45	7,277,875	4	KHẢ QUAN	236,503	5.9	1.2	222
VCI	19.05	7,710,745	4	KHẢ QUAN	21,950	13.6	1.3	147
VND	13.6	9,807,545	4	KHẢ QUAN	20,703	7.7	1.0	133
DXG	10.25	8,910,585	4	KHẢ QUAN	12,998	64.7	0.9	91
GMD	55	1,284,265	4	KHẢ QUAN	35,186	14.6	2.6	71
CEO	11	6,128,905	4	KHẢ QUAN	6,554	34.2	1.0	67
HCM	23.9	2,656,475	4	KHẢ QUAN	32,264	24.1	2.0	63
KDH	14.15	3,755,140	4	KHẢ QUAN	17,467	10.7	0.9	53
DCL	51.1	936,700	4	KHẢ QUAN	3,732	#N/A N/A	2.5	48

MBS	15.3	2,776,140	**4**	**KHẢ QUAN**	15,314	11.4	1.4	42
DIG	9.58	4,218,015	**4**	**KHẢ QUAN**	8,088	10.4	0.8	40
HHV	9.48	2,770,315	**4**	**KHẢ QUAN**	5,187	8.2	0.5	26
HUT	12.4	1,727,270	**4**	**KHẢ QUAN**	13,247	22.9	1.2	21
VHC	51.8	322,045	**4**	**KHẢ QUAN**	10,850	7.9	1.2	17
ANV	18.9	1,206,260	**3**	**TRUNG TÍNH**	5,032	5.8	1.3	23
TNG	19	908,180	**3**	**TRUNG TÍNH**	2,446	5.5	1.2	17
SHB	10.55	42,392,332	**2**	**TRUNG TÍNH**	56,376	4.0	0.7	447
MBB	19.65	11,413,285	**2**	**TRUNG TÍNH**	197,851	6.4	1.3	224
TPB	12	10,333,220	**2**	**TRUNG TÍNH**	38,282	5.1	0.8	124
BID	33.65	3,009,360	**2**	**TRUNG TÍNH**	261,739	7.9	1.4	101
DCM	34.4	2,498,025	**2**	**TRUNG TÍNH**	18,211	7.9	1.6	86
VRE	23.35	3,133,000	**2**	**TRUNG TÍNH**	53,059	7.3	1.1	73
ACV	41.2	525,005	**2**	**TRUNG TÍNH**	147,592	13.3	2.0	22
SAB	42.8	330,685	**2**	**TRUNG TÍNH**	54,894	11.9	2.8	14
MSN	73.6	5,451,285	**0**	**TRUNG TÍNH**	107,484	15.9	2.8	401
GEX	22.75	6,139,365	**0**	**TRUNG TÍNH**	29,768	21.7	1.5	140
VNM	57.7	1,888,345	**0**	**TRUNG TÍNH**	120,590	12.2	3.8	109
FRT	149.4	695,425	**0**	**TRUNG TÍNH**	26,715	23.5	5.6	104
VSC	13.4	7,170,715	**0**	**TRUNG TÍNH**	5,017	14.6	0.9	96
VPI	51.3	1,664,000	**0**	**TRUNG TÍNH**	18,060	44.9	3.3	85
VIB	13.75	5,319,070	**0**	**TRUNG TÍNH**	51,252	6.9	1.1	73
PVD	18	3,550,820	**0**	**TRUNG TÍNH**	16,699	17.3	1.0	64
HAH	49.55	1,227,885	**0**	**TRUNG TÍNH**	9,332	7.1	1.8	61
DPM	21.5	2,463,330	**0**	**TRUNG TÍNH**	14,618	8.6	1.3	53
NLG	21.4	1,401,430	**0**	**TRUNG TÍNH**	10,383	17.3	0.8	30
VGC	44.9	642,990	**0**	**TRUNG TÍNH**	20,131	14.1	2.4	29
VEA	39	571,580	**0**	**TRUNG TÍNH**	51,823	6.7	2.2	22
DHC	38.15	513,345	**0**	**TRUNG TÍNH**	4,053	7.5	1.6	20
VPB	24	18,971,400	**-2**	**TRUNG TÍNH**	240,000	7.7	1.3	455
HDB	22.1	15,892,740	**-2**	**TRUNG TÍNH**	143,802	7.2	1.7	351
BSR	28.7	10,411,575	**-2**	**TRUNG TÍNH**	143,710	7.2	1.9	299
FPT	57.4	4,957,110	**-2**	**TRUNG TÍNH**	108,241	10.8	2.7	285
MWG	74.9	2,810,655	**-2**	**TRUNG TÍNH**	110,529	11.2	3.1	211
PLX	35.1	4,178,350	**-2**	**TRUNG TÍNH**	45,415	14.5	1.7	147
PVS	32	3,444,400	**-2**	**TRUNG TÍNH**	19,639	9.3	1.3	110
GVR	31.8	2,729,375	**-2**	**TRUNG TÍNH**	127,200	18.0	2.1	87
GAS	76.4	1,042,265	**-2**	**TRUNG TÍNH**	184,349	14.5	2.7	80
DGW	46	1,697,560	**-2**	**TRUNG TÍNH**	10,275	12.2	2.7	78
MCH	139.9	542,685	**-2**	**TRUNG TÍNH**	182,906	25.9	9.7	76
LPB	37.85	1,908,380	**-2**	**TRUNG TÍNH**	113,069	10.0	2.6	72
POW	12.5	5,672,170	**-2**	**TRUNG TÍNH**	38,348	6.3	0.9	71
EIB	16.3	3,100,665	**-2**	**TRUNG TÍNH**	30,362	61.7	1.1	51
IDC	35.2	1,287,195	**-2**	**TRUNG TÍNH**	14,694	6.8	2.2	45
VC3	23.1	1,754,085	**-2**	**TRUNG TÍNH**	3,437	48.3	2.2	41
PC1	18.6	1,158,300	**-2**	**TRUNG TÍNH**	7,650	7.6	1.1	22
REE	45.85	443,215	**-2**	**TRUNG TÍNH**	28,560	10.8	1.3	20
DPR	37.65	514,840	**-2**	**TRUNG TÍNH**	3,271	9.1	1.2	19

DGC	33.65	505,415	**-2**	**TRUNG TÍNH**	12,780	6.4	0.8	17
VOS	11.8	1,377,985	**-2**	**TRUNG TÍNH**	1,652	4.2	0.8	16
PHR	32.55	497,010	**-2**	**TRUNG TÍNH**	7,939	8.5	1.7	16
CTR	69.3	219,865	**-2**	**TRUNG TÍNH**	8,878	13.6	4.0	15
VIC	209	2,718,610	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,622,297	74.7	9.3	568
STB	62.3	3,128,615	**-4**	**TIÊU CỰC**	117,449	19.2	1.9	195
PVT	24.2	7,697,575	**-4**	**TIÊU CỰC**	12,510	8.8	1.3	186
MSR	65.1	2,365,925	**-4**	**TIÊU CỰC**	71,934	6,510.0	5.9	154
ACB	20.25	7,191,550	**-4**	**TIÊU CỰC**	117,540	7.5	1.2	146
VJC	127.4	937,575	**-4**	**TIÊU CỰC**	97,983	44.5	3.7	119
PET	49.95	850,130	**-4**	**TIÊU CỰC**	7,729	25.4	3.1	42
PVP	22.9	1,505,900	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,375	7.3	1.2	34
DRI	16.2	1,810,895	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,186	7.5	1.7	29
NVB	13.5	2,102,915	**-4**	**TIÊU CỰC**	39,528	80.8	1.8	28
OIL	12.9	1,899,470	**-4**	**TIÊU CỰC**	13,342	37.6	1.3	25
VHM	57.8	8,312,985	**-5**	**TIÊU CỰC**	474,817	6.0	1.8	480
BVH	69.7	1,058,095	**-5**	**TIÊU CỰC**	51,740	15.6	2.0	74
SBT	21.1	1,241,130	**-5**	**TIÊU CỰC**	19,721	26.8	1.7	26
HHP	16.85	1,230,755	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,553	32.3	1.6	21
HAG	14.4	2,344,810	**-6**	**TIÊU CỰC**	18,251	5.4	1.2	34
VCB	55.8	3,022,235	**-7**	**TIÊU CỰC**	466,247	11.2	1.9	169

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc tiếp tục giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản tháng thứ 17 liên tiếp

Ngày 20/10, Trung Quốc đã quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản tháng thứ 17 liên tiếp, sau khi dữ liệu GDP quý III khả quan hơn dự kiến làm giảm khả năng nới lỏng chính sách trong tương lai gần. Việc duy trì lãi suất cho vay cơ bản (LPR) cho thấy các nhà hoạch định chính sách không vội vàng tung ra các biện pháp nới lỏng tiền tệ mới sau khi GDP quý III đạt kết quả khả quan. Thay vào đó, các nhà hoạch định chính sách đang tập trung vào việc cải cách cơ chế định xác định lãi suất cho vay và nâng cao hiệu quả truyền dẫn chính sách tiền tệ. LPR kỳ hạn 1 năm được giữ ở mức 3%, trong khi LPR kỳ hạn 5 năm vẫn ở mức 3,5%.

Thống đốc Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) Pan Gongsheng cho biết, cơ quan này sẽ ban hành hướng dẫn chính sách nhằm thúc đẩy cải cách chuẩn lãi suất cho vay, giảm sự phụ thuộc tương đối lớn vào LPR và chuyển sang sử dụng một hệ thống chuẩn lãi suất đa dạng hơn. Nền kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng 4,5% so với cùng kỳ năm trước trong quý III, vượt dự báo và làm giảm bớt áp lực buộc các nhà chức trách phải tăng cường các biện pháp hỗ trợ để đạt được mục tiêu tăng trưởng hàng năm.

"Thông báo mới nhất tiếp tục thúc đẩy quá trình chuyển dịch chuẩn lãi suất chính sách sang cơ chế định giá dựa trên phía tài sản, đồng thời duy trì cách tiếp cận từng bước. Cơ chế phân tầng cho phép các doanh nghiệp lớn có thêm lựa chọn, trong khi vẫn duy trì LPR làm chuẩn tham chiếu cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và cá nhân, chủ yếu nhằm tránh gây ra cú sốc đột ngột đối với hệ thống định giá hiện hành...Khi ngày càng có nhiều khoản vay doanh nghiệp gắn liền với lãi suất repo qua đêm, biên độ dao động của loại lãi suất này có khả năng sẽ thu hẹp lại, từ đó tăng cường sự ổn định cho các điều kiện thanh khoản", Huatai Securities nhận định.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

Chính quyền Tổng thống Trump thúc đẩy đầu tư và mở rộng sản xuất tại Mỹ

Chính quyền Tổng thống Donald Trump ngày 18/10 nhấn mạnh một loạt kết quả kinh tế và thỏa thuận đầu tư mới, trong đó có doanh số bán lẻ tăng mạnh, đơn đặt hàng thiết bị sản xuất đạt mức cao và các cam kết hợp tác năng lượng, công nghệ với đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, các số liệu mới cũng cho thấy chi phí năng lượng tăng đang góp phần đẩy doanh thu bán lẻ lên cao, trong khi sức ép lạm phát vẫn hiện hữu.

Theo Cục Thống kê Dân số Mỹ, doanh số bán lẻ trong tháng 9/2026 tăng 0,8% so với tháng trước, vượt dự báo 0,3% của giới kinh tế, đạt tổng cộng 745 tỷ USD. Tuy nhiên, các hãng tin như AP cho biết phần lớn mức tăng xuất phát từ doanh thu tại các trạm xăng, tăng mạnh do giá nhiên liệu leo thang. Nếu loại trừ các trạm xăng, doanh số bán lẻ chỉ tăng 0,2%, cho thấy sức mua tại những lĩnh vực khác vẫn tương đối hạn chế.

Trong lĩnh vực sản xuất, Hiệp hội Công nghệ Sản xuất Mỹ (AMT) ngày 12/10 công bố đơn đặt hàng máy móc gia công kim loại trong tháng 8/2026 đạt 732,9 triệu USD, tăng 21% so với tháng trước và 36,3% so với cùng kỳ năm 2025. Đây là mức cao thứ ba từng được ghi nhận theo tháng. Tính từ đầu năm đến hết tháng 8, tổng đơn đặt hàng đạt 4,76 tỷ USD, tăng 36,9% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh nhu cầu đầu tư thiết bị của các doanh nghiệp sản xuất đang tăng lên.

Về giá thuốc, số liệu của Cục Thống kê Lao động Mỹ cho thấy chỉ số giá thuốc kê đơn giảm 1,2% trong tháng 9/2026, nối tiếp xu hướng giảm trong năm nay. Nhà Trắng trước đó cho biết giá thuốc kê đơn đã ghi nhận mức giảm theo năm mạnh nhất trong hơn 60 năm, kể từ năm 1963. Tuy nhiên, mức giảm 1,2% trong tháng 9 là biến động theo tháng,

không đồng nghĩa toàn bộ chi phí thuốc mà người dân phải trả đều giảm tương ứng, bởi chi phí thực tế còn phụ thuộc bảo hiểm, mức đồng chi trả và từng loại thuốc.

Trong lĩnh vực năng lượng, Đài Loan (Trung Quốc) ngày 14/10 xác nhận Công ty CPC thuộc sở hữu nhà nước dự kiến đầu tư tối đa 4,4 tỷ USD vào dự án khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Alaska và mua khoảng 6 triệu tấn LNG mỗi năm khi dự án đi vào hoạt động. Tổng thống Trump trước đó cho biết Đài Loan dự kiến mua khoảng 30% sản lượng của dự án. Tuy nhiên, các điều khoản cuối cùng vẫn đang được đàm phán; việc cung cấp khí đốt cho Đài Loan có thể bắt đầu sớm nhất vào năm 2032 nếu dự án triển khai đúng tiến độ.

Ở lĩnh vực công nghệ, Nhật Bản ngày 14/10 thống nhất với Mỹ triển khai dự án xây dựng hai nhà máy sản xuất chất bán dẫn tại bang New York, do GlobalFoundries vận hành, với tổng vốn đầu tư dự kiến lên tới 21 tỷ USD. Dự án thuộc khuôn khổ sáng kiến đầu tư Mỹ-Nhật trị giá 550 tỷ USD được công bố năm 2025. Nhà máy đầu tiên dự kiến khởi công trước cuối năm 2026, hướng tới sản xuất chip từ năm 2029 và tạo hơn 1.000 việc làm. Đây là dự án sản xuất chất bán dẫn đầu tiên được triển khai trong khuôn khổ sáng kiến đầu tư chiến lược nói trên.

Các diễn biến trên cho thấy chính quyền ông Trump đang thúc đẩy thông điệp về phục hồi sản xuất, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và mở rộng năng lực công nghiệp trong nước. Tuy nhiên, giới quan sát cho rằng việc đánh giá toàn diện triển vọng kinh tế Mỹ cần tính đến cả những yếu tố trái chiều: doanh số bán lẻ tăng một phần do giá xăng cao, lạm phát tháng 9 vẫn ở mức 3,7% so với cùng kỳ năm trước, còn các dự án năng lượng và bán dẫn quy mô lớn cần nhiều năm để hoàn thành và tạo ra tác động kinh tế đầy đủ.

Nguồn: vietstock.vn

Xuất nhập khẩu đến ngày 15/10/2026 vượt 945 tỷ USD, nhập siêu lùi về 17,6 tỷ USD

Theo số liệu thống kê sơ bộ mới nhất của Cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trong 15 ngày đầu tháng 10 đạt 56,68 tỷ USD, tăng 48,5% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó xuất khẩu 29,25 tỷ USD, nhập khẩu 27,43 tỷ USD. Với kết quả này, kim ngạch xuất nhập khẩu lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/10 đã vượt 945 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt 463,7 tỷ USD, nhập khẩu đạt 481,36 tỷ USD. Như vậy, chỉ sau 9,5 tháng, quy mô thương mại hàng hóa của Việt Nam đã vượt mức 930 tỷ USD của cả năm 2025.

Đáng chú ý, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn trong hoạt động xuất nhập khẩu. Lũy kế đến ngày 15/10, xuất khẩu của khu vực này đạt 374,2 tỷ USD, tăng 31,3% so với cùng kỳ và chiếm 80,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực doanh nghiệp trong nước đạt 89,5 tỷ USD, chiếm 19,3%. Ở chiều nhập khẩu, khu vực FDI đạt 356,49 tỷ USD, tăng 42,8%, chiếm khoảng 74% tổng kim ngạch.

Doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 124,8 tỷ USD. Diễn biến xuất nhập khẩu trong nửa đầu tháng 10 ghi nhận sự cải thiện đáng kể của cán cân thương mại khi xuất khẩu tăng mạnh hơn nhập khẩu. Nhờ đó, mức nhập siêu lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/10 giảm còn khoảng 17,6 tỷ USD, thấp hơn mức 19,4 tỷ USD ghi nhận trong 9 tháng đầu năm 2026. Về cơ cấu mặt hàng, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục dẫn đầu xuất khẩu với kim ngạch lũy kế đạt 135,3 tỷ USD. Riêng nửa đầu tháng 10, nhóm hàng này mang về 10,6 tỷ USD. Đứng thứ hai là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác với 58,6 tỷ USD; tiếp đến là điện thoại các loại và linh kiện, đạt 54,3 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất khẩu của ba nhóm hàng này đạt 248,2 tỷ USD, tương đương 53,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Ở nhóm hàng nông, lâm, thủy sản, thủy sản và rau quả tiếp tục duy trì kết quả tích cực. Trong nửa đầu tháng 10, xuất khẩu thủy sản đạt gần 600 triệu USD, đưa kim ngạch lũy kế lên hơn 9,7 tỷ USD. Xuất khẩu rau quả đạt khoảng 500 triệu USD trong kỳ, nâng tổng kim ngạch từ đầu năm lên gần 7,8 tỷ USD, xuất khẩu cà phê đạt 6,8 tỷ USD, trong khi hạt điều mang về gần 4,1 tỷ USD.

Ở chiều nhập khẩu, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục là nhóm hàng có kim ngạch lớn nhất, đạt 201 tỷ USD. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 56,8 tỷ USD; điện thoại các loại và linh kiện đạt 8,67 tỷ USD; kim loại thường khác đạt gần 12 tỷ USD.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

Khởi công dự án điện LNG hơn 40,000 tỷ đồng tại Quảng Trị

Sáng 20/10, tại tỉnh Quảng Trị, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tổ chức Lễ khởi công dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch II và công bố phát điện nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I lên lưới điện quốc gia. Các dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I và Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II do EVN làm chủ đầu tư, giao Ban Quản lý dự án điện 2 thực hiện quản lý dự án tại Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Quy mô gồm 4 tổ máy, tổng công suất là 3,015.8MW với tổng mức đầu tư của cả hai dự án là hơn 82,145 tỷ đồng, trong đó 2 Tổ máy dự án Quảng Trạch I (công suất mỗi tổ máy 701.5 MW) sử dụng nhiên liệu than và 2 Tổ máy dự án Quảng Trạch II (công suất mỗi tổ máy 806.4 MW) sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).

Đây là các dự án trọng điểm, có ý nghĩa rất quan trọng, khi hoàn thành sẽ bổ sung sản lượng điện dự kiến trên 17.2 tỷ kWh mỗi năm, cung cấp cho hệ thống điện quốc gia, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, hỗ trợ quá trình chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng bền vững, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và cải thiện đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Dự án nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch II được UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án tại Quyết định số 1155 ngày 4/9/2024. Đây là dự án năng lượng quan trọng quốc gia theo Quy hoạch Điện VIII với quy mô công suất 1.612,8 MW, áp dụng công nghệ turbine khí chu trình hỗn hợp. Dự án giữ vai trò then chốt trong chuyển dịch cơ cấu nguồn điện theo hướng chuyển đổi xanh, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, nâng cao độ tin cậy của hệ thống điện và thực hiện các cam kết của Việt Nam về giảm phát thải khí nhà kính. Dự án có tổng mức đầu tư hơn 40,123.455 tỷ đồng, trong đó 20% vốn chủ sở hữu và 80% vốn vay thương mại. Dự án được đồng tài trợ bởi nhóm 4 ngân hàng thương mại trong nước Vietcombank, VietinBank, BIDV và Agribank.

Với tính chất quan trọng và cấp bách của Dự án, ngay từ những ngày đầu năm 2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 18/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2026 và giai đoạn 2026-2030, trong đó giao EVN khẩn trương đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành đưa vào vận hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II, góp phần đảm bảo cung cấp điện cho Hệ thống điện quốc gia giai đoạn 2027-2030.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

CTD: Backlog 70.000 tỷ đồng, hướng tới doanh thu 68.000 tỷ đồng

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 diễn ra sáng 20/10, ông Bolat Duisenov, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons (mã CTD) cho biết, Công ty bước vào niên độ tài chính 2026–2027 với lượng công việc chuyển tiếp lớn, tạo nền tảng cho kế hoạch tăng trưởng trong những năm tới.

Trong niên độ tài chính 2025–2026, Coteccons ghi nhận doanh thu 34.340 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 788 tỷ đồng. Giá trị trúng thầu mới đạt 60.307 tỷ đồng, tăng 107% so với năm trước, đưa backlog cuối kỳ lên 70.000 tỷ đồng, tăng 98% so với cùng kỳ và đạt mức cao kỷ lục. Trên cơ sở đó, Coteccons đặt mục tiêu doanh thu 42.000 tỷ đồng trong năm tài chính 2026–2027, tăng khoảng 20–22% so với niên độ trước; lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.050 tỷ đồng, tăng hơn 30%. Trong quý I niên độ tài chính 2026–2027 (từ ngày 1/7 đến 30/9/2026), doanh thu của Công ty đạt 11.270 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 306 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành khoảng 27% và 29% kế hoạch năm. Giá trị hợp đồng ký mới trong quý đạt 14.519 tỷ đồng.

Theo ông Bolat, việc giá trị trúng thầu mới trong quý thấp hơn cùng kỳ không đồng nghĩa với diễn biến tiêu cực. Công ty đang đặt ra những điều kiện tài chính khắt khe hơn khi lựa chọn dự án, nhất quán với định hướng ưu tiên an toàn tài chính thay vì chạy theo quy mô doanh thu. Một trong những vấn đề được lãnh đạo Coteccons nhấn mạnh là khả năng thu hồi công nợ. Trong niên độ tài chính vừa qua, Công ty thu hồi 39.476 tỷ đồng từ các khoản phải thu. Theo ông Bolat, trong ngành xây dựng, hoàn thành công trình mới chỉ là một nửa chặng đường; nửa còn lại phụ thuộc vào việc chủ đầu tư thanh toán. Khả năng thu hồi công nợ vì thế có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động và chất lượng dòng tiền.

Giai đoạn 2026–2030, Chủ tịch Coteccons cho biết, Công ty đặt mục tiêu đưa doanh thu lên 68.000 tỷ đồng vào năm 2030, với định hướng tăng trưởng khoảng 30% trở lên. Coteccons đồng thời hướng tới tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) ở mức 16–18% mỗi năm, sau khi đạt khoảng 15% trong năm 2026 theo kế hoạch được trình bày. Để thực hiện mục tiêu, Coteccons tiếp tục đa dạng hóa danh mục công trình, mở rộng từ xây dựng nhà cao tầng và bất động sản nhà ở sang bất động sản công nghiệp, hạ tầng và thị trường quốc tế. Các lĩnh vực được Công ty quan tâm gồm sân bay, đường sắt tốc độ cao, trung tâm dữ liệu, sân vận động và nhà hát.

Trong năm tài chính 2026–2027, Coteccons dự kiến mảng xây dựng ngoài lĩnh vực nhà ở đóng góp khoảng 50% tổng doanh thu. Cơ cấu này bao gồm xây dựng công nghiệp, công trình hạ tầng và các sản phẩm, dịch vụ chuyên sâu phục vụ ngành xây dựng. Đối với trung tâm dữ liệu, Coteccons đang từng bước mở rộng năng lực thi công, với các dự án được triển khai tại Gia Lai. Công ty có đội ngũ hơn 600 kỹ sư cơ điện, được xác định là một trong những năng lực cốt lõi để tham gia các công trình đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật chuyên sâu.

Song song với thị trường trong nước, Coteccons đang triển khai 6 dự án ở nước ngoài và có 8 dự án tiềm năng tại Đài Loan (Trung Quốc), Georgia, Kazakhstan, Ấn Độ và Mỹ. Các dự án được đề cập gồm Silk Towers và Data Center tại Georgia; Taipei Twin, Hsinchu Complex và Đại học Đài Loan tại Đài Loan (Trung Quốc). Chiến lược mở rộng quốc tế cũng được triển khai thông qua việc sáp nhập GEO Foundations, doanh nghiệp có tiền thân là một tập đoàn của Đức với công nghệ chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng nền móng.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

NT2: Lãi tăng 100% trong quý 3, có hơn 5.300 tỷ tiền gửi

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (HoSE: NT2) vừa công bố báo cáo tài chính quý 3/2026 với doanh thu thuần đạt hơn 2.807 tỷ đồng, tăng 46% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 524 tỷ đồng, tăng 119%, tương đương hơn gấp đôi cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 419 tỷ đồng, tăng 95%.

Theo giải trình của doanh nghiệp, lợi nhuận tăng mạnh chủ yếu nhờ hoạt động sản xuất điện. Doanh thu bán điện tăng gần 879 tỷ đồng, trong khi giá vốn chỉ tăng khoảng 594 tỷ đồng. Nhờ đó, lợi nhuận gộp đạt gần 490 tỷ đồng, tăng 139% so với cùng kỳ. Một yếu tố hỗ trợ hoạt động kinh doanh của NT2 là chi phí khấu hao giảm mạnh. Theo báo cáo lưu chuyển tiền tệ, khấu hao tài sản cố định trong 9 tháng đầu năm 2026 chỉ còn khoảng 115 tỷ đồng, so với gần 516 tỷ đồng cùng kỳ năm trước, giảm khoảng 401 tỷ đồng, tương đương 77,7%.

Bên cạnh hoạt động sản xuất điện, doanh thu tài chính trong quý 3 cũng đạt hơn 92 tỷ đồng, gần gấp đôi cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, động lực tăng lợi nhuận chủ yếu vẫn đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, NT2 ghi nhận lợi nhuận sau thuế hơn 906 tỷ đồng, tăng khoảng 57% so với cùng kỳ. Trong khi đó, kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm của doanh nghiệp chỉ khoảng 430 tỷ đồng. Như vậy, NT2 đã hoàn thành hơn 211% mục tiêu đề ra, dù vẫn còn một quý kinh doanh.

Một điểm đáng chú ý khác là lượng tiền gửi ngân hàng lớn. Tại ngày 30/9/2026, NT2 có khoảng 5.374 tỷ đồng tiền, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn, phần lớn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Về dòng tiền, NT2 ghi nhận dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 9 tháng đạt khoảng 1.256 tỷ đồng, tăng so với mức 1.033 tỷ đồng cùng kỳ. Đây là tín hiệu tích cực khi kết quả lợi nhuận cải thiện đi cùng dòng tiền kinh doanh dương.

Nguồn: cafef.vn

PHR: Cao su Phước Hòa ước lãi sau thuế 9 tháng hơn 882 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch năm

CTCP Cao su Phước Hòa (mã PHR) mới thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư quý III và luỹ kế 9 tháng đầu năm 2026, theo đó ước tính lợi nhuận sau thuế 9 tháng Công ty mẹ đạt 882,36 tỷ đồng, vượt 13,23% kế hoạch năm. Trong 9 tháng đầu năm, PHR khai thác khoảng 8.586,08 tấn mủ cao su, tương đương 62,67% kế hoạch năm. Sản lượng thu mua đạt 11.839,97 tấn, hoàn thành 81,65% kế hoạch; trong đó, thu mua mủ trong nước đạt 6.969,33 tấn và thu mua mủ thành phẩm đạt 4.870,64 tấn. Bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ mủ thành phẩm đạt 21.468,04 tấn, tương đương 76,13% kế hoạch năm. Giá bán bình quân đạt 56,92 triệu đồng/tấn, cao hơn 15,13% so với mức kế hoạch 49,44 triệu đồng/tấn. Riêng giá bán bình quân mủ thành phẩm đạt 57,97 triệu đồng/tấn, vượt 13,78% kế hoạch.

PHR đánh giá hoạt động sản xuất chịu ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều kéo dài, nguồn nguyên liệu cạnh tranh và diện tích vườn cây già cỗi. Dù vậy, ban điều hành đã chủ động điều chỉnh hoạt động thu mua, chế biến và kinh doanh. Kết quả, doanh thu Công ty mẹ ước đạt 2.336,64 tỷ đồng, hoàn thành 102,48% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt 882,36 tỷ đồng, hoàn thành 113,23% kế hoạch năm. Riêng trong quý III/2026, Công ty mẹ ghi nhận doanh thu 1.153,37 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 491,26 tỷ đồng và 409,35 tỷ đồng. Trong 3 tháng cuối năm, PHR đặt mục tiêu khai thác từ 5.114 - 6.164 tấn mủ, tùy theo kế hoạch của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) và kế hoạch của Công ty. Doanh nghiệp dự kiến thu mua trên 3.100 tấn mủ quy khô, tiêu thụ khoảng 7.000 tấn mủ thành phẩm, với doanh thu mủ khoảng 434 tỷ đồng và giá bán bình quân phấn đấu đạt 62 triệu đồng/tấn.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh cao su, PHR tiếp tục chuẩn bị các điều kiện triển khai những dự án đầu tư mới. Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, doanh nghiệp dự kiến chuẩn bị triển khai cụm năng lượng gồm Tân Bình, Bình Cơ 1 và Bình Cơ 2 tại TP. HCM theo định hướng của GVR. Đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, PHR tiếp tục theo dõi thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án chuối cấy mô, điều chỉnh thời hạn hợp tác với U&I (Unifarm) thành 5 năm và tăng cường phối hợp với Trường Đại học Nông Lâm để hỗ trợ phòng cấy mô, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật trồng. Ở mảng bất động sản công nghiệp, PHR đặt mục tiêu đẩy nhanh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 để hoàn thiện hồ sơ xin chủ trương đầu tư các dự án khu công nghiệp Tân Lập 1, Bắc Tân Uyên 2, Lai Hưng và mở rộng khu công nghiệp Tân Bình giai đoạn 2. Đối với khu dân cư Phước Hòa, Công ty tập trung tháo gỡ các vướng mắc kéo dài, hoàn thành đấu nối giao thông, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3,3 ha và giải phóng mặt bằng các hộ dân còn lại.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

VCK: Chứng khoán VPS quý thứ 5 liên tiếp lãi trước thuế trên 1.000 tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính quý III/2026 vừa được CTCP Chứng khoán VPS (HOSE: VCK) công bố, doanh thu hoạt động đạt 2.076 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.119 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 894 tỷ đồng, lần lượt giảm 23,3%, 19,8% và 20,7% so với cùng kỳ năm trước.

Kết quả này phản ánh tác động từ sự suy giảm thanh khoản trên thị trường chứng khoán. Trong quý III, giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường chỉ đạt khoảng 18.600 tỷ đồng/phiên, giảm 58% so với cùng kỳ năm 2025 và xuống mức thấp nhất trong bảy quý gần đây. Đáng chú ý, giá trị giao dịch khớp lệnh của nhà đầu tư trong nước giảm hơn một nửa, còn khoảng 12.800 tỷ đồng/phiên, gây sức ép đáng kể lên nguồn thu môi giới của các công ty chứng khoán. Dù doanh thu và lợi nhuận giảm so với cùng kỳ, biên lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hoạt động của VPS vẫn cải thiện từ 51,5% lên 53,9%. Đây cũng là quý thứ năm liên tiếp công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế trên 1.000 tỷ đồng, cho thấy khả năng duy trì hiệu quả kinh doanh trong những điều kiện thị trường khác nhau.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, VPS ghi nhận doanh thu hoạt động 6.949 tỷ đồng, tăng 17,8%; lợi nhuận trước thuế đạt 4.044 tỷ đồng, tăng 26,7%; lợi nhuận sau thuế đạt 3.233 tỷ đồng, tăng 26,1%. Biên lợi nhuận trước thuế cải thiện từ 54,1% lên 58,2%. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 60,4% kế hoạch doanh thu và 70,3% kế hoạch lợi nhuận trước thuế được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua. Đằng sau mức tăng trưởng lợi nhuận cao hơn doanh thu là sự thay đổi trong đóng góp của các mảng kinh doanh. Thu nhập từ cho vay ký quỹ đạt 2.926 tỷ đồng trong chín tháng, tăng 68,3%, chiếm khoảng 42% doanh thu hoạt động. Riêng quý III, mảng này mang về 948 tỷ đồng, tăng 34,3% và đóng góp gần 46% doanh thu quý. Tại ngày 30/9, dư nợ cho vay ký quỹ đạt 25.363 tỷ đồng, tăng 14,9% so với đầu năm.

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) cũng tăng 56,8%, đạt 1.251 tỷ đồng trong chín tháng. Ở chiều ngược lại, doanh thu môi giới giảm 25,6%, còn 2.122 tỷ đồng, do thanh khoản thị trường suy yếu. Diễn biến này cho thấy vai trò ngày càng lớn của các nguồn thu ngoài môi giới, góp phần duy trì hiệu quả kinh doanh. Ở lĩnh vực ngân hàng đầu tư, doanh thu từ tư vấn M&A, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán đạt 61 tỷ đồng trong quý III. Dù đóng góp còn khiêm tốn trong tổng doanh thu, các nghiệp vụ này tiếp tục bổ sung vào cơ cấu nguồn thu của VPS, đồng thời phản ánh năng lực cung cấp dịch vụ trên thị trường vốn.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

VPX: VPBankS đạt lợi nhuận hơn 3.500 tỷ đồng sau 9 tháng, tăng 8% cùng kỳ

Theo báo cáo tài chính quý III/2026 vừa công bố, Công ty cổ phần Chứng khoán VPBank (VPBankS, mã VPX) ghi nhận tổng doanh thu lũy kế 9 tháng đạt gần 10.600 tỷ đồng, gấp gần 2 lần cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.516 tỷ đồng, tăng 8%.

Trong cơ cấu doanh thu, hoạt động ngân hàng đầu tư tiếp tục đóng góp đáng kể. Lũy kế 9 tháng, doanh số tư vấn phát hành chứng khoán nợ (DCM) và chứng khoán vốn (ECM) của VPBankS đạt gần 32.000 tỷ đồng. Công ty cũng phân phối gần 35.000 tỷ đồng sản phẩm đầu tư. Riêng trong quý III/2026, thông qua tính năng IPO trên nền tảng NEO Invest, VPBankS phân phối cổ phần với tổng giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động tư vấn phát hành trong 9 tháng đạt hơn 1.600 tỷ đồng, tăng 73% so với cùng kỳ.

Ở mảng dịch vụ dành cho nhà đầu tư, hoạt động cho vay ký quỹ (margin) tiếp tục là nguồn thu quan trọng. Doanh thu từ hoạt động này đạt hơn 3.000 tỷ đồng trong 9 tháng, tương đương 28% tổng doanh thu và gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, doanh thu môi giới chứng khoán đạt 341 tỷ đồng, tăng 10%. Tính đến cuối quý III/2026, dư nợ cho vay margin và ứng trước của VPBankS đạt gần 40.000 tỷ đồng, tăng 17% so với đầu năm và 4% so với cuối quý II. Quy mô dư nợ tăng cho thấy công ty tiếp tục mở rộng hoạt động cấp vốn cho nhà đầu tư, đồng thời đặt ra yêu cầu kiểm soát rủi ro trong điều kiện thị trường biến động. Cùng với sự gia tăng dư nợ, số lượng khách hàng của VPBankS đạt 1,6 triệu vào cuối quý III, tăng hơn 10% so với quý trước và gần 42% so với cuối năm 2025. Công ty duy trì vị trí trong nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả hai sàn HOSE và HNX.

Về năng lực tài chính, vốn chủ sở hữu của VPBankS đạt gần 36.300 tỷ đồng vào cuối quý III. Theo công bố của doanh nghiệp, với quy mô vốn hiện tại, công ty còn dư địa gần 33.000 tỷ đồng để phát triển hoạt động cho vay ký quỹ. Bên cạnh nguồn vốn trong nước, VPBankS tiếp tục tìm kiếm nguồn tài trợ quốc tế. Sau khoản vay hợp vốn trị giá 200 triệu USD được triển khai trong nửa đầu năm 2026, cuối tháng 9, Hội đồng quản trị công ty thông qua việc triển khai khoản vay hợp vốn mới quy mô 150 triệu USD, do đối tác chiến lược Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) đứng đầu thu xếp, kèm điều khoản mở rộng quy mô khoản vay. Ngoài các hoạt động truyền thống, VPBankS đang phát triển mảng quản lý gia sản thông qua VPBankS Private Wealth, cung cấp các sản phẩm đầu tư như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và danh mục đầu tư.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

VIX: Chi phí tăng vọt khiến lợi nhuận lao dốc trong 9 tháng

CTCP Chứng khoán VIX (mã VIX - sàn HOSE) ghi nhận lãi 173,84 tỷ đồng trong quý III, luỹ kế 9 tháng đầu năm 2026 lãi 388,09 tỷ đồng, giảm 90,6% so với cùng kỳ. Trong Báo cáo tài chính công ty mẹ quý III/2026, Chứng khoán VIX ghi nhận tổng doanh thu quý III đạt 2.047,6 tỷ đồng, giảm 36,4% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 173,84 tỷ đồng, giảm 92,9% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng chi phí trong kỳ tăng 33,6 lần so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 1.693,94 tỷ đồng, lên 1.744,4 tỷ đồng (cùng kỳ 50,46 tỷ đồng).

Về cơ cấu doanh thu trong kỳ, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm 40,7% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 1.120,98 tỷ đồng, về 1.630,22 tỷ đồng; doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 59,5% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 54,71 tỷ đồng, về 37,27 tỷ đồng; lãi từ các khoản cho vay và phải thu giảm 1,2%, tương ứng giảm 4 tỷ đồng về 337,4 tỷ đồng... Về phần chi phí trong quý III, chủ yếu lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) ghi nhận 1.717,8 tỷ đồng so với cùng kỳ âm 11,2 tỷ đồng.

Luỹ kế trong 9 tháng đầu năm 2026, Chứng khoán VIX ghi nhận tổng doanh thu đạt 5.050,3 tỷ đồng, giảm 18,2% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 388,09 tỷ đồng, giảm 90,6% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng chi phí tăng 425,4% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 3.432,4 tỷ đồng, lên 4.239,3 tỷ đồng. Về quy mô tài sản, tính tới ngày 30/9/2026, tổng tài sản của Chứng khoán VIX tăng 16,7% so với đầu năm, tương ứng tăng thêm 5.693,1 tỷ đồng, lên 39.860,1 tỷ đồng. Trong đó, tài sản chủ yếu ghi nhận 23.099,1 tỷ đồng các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), chiếm 57,95% tổng tài sản; 12.442,2 tỷ đồng các khoản cho vay, chiếm 31,21% tổng tài sản... Trong kỳ, tài sản FVTPL tăng 58,9% so với đầu năm, tương ứng tăng thêm 8.558,5 tỷ đồng, lên 23.099,1 tỷ đồng; các khoản cho vay giảm 19,1% so với đầu năm, tương ứng giảm 2.938,1 tỷ đồng, về 12.442,2 tỷ đồng.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

BMI: Bảo Minh được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên hơn 1.656 tỷ đồng

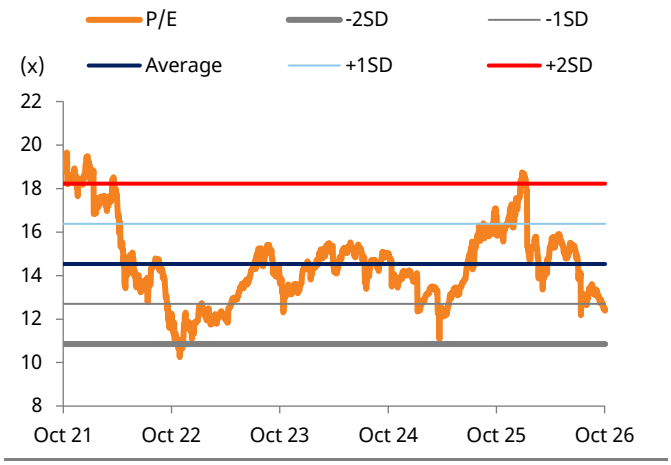
Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh (mã chứng khoán BMI) cho biết, Bộ Tài chính đã có ý kiến chấp thuận nguyên tắc để Bảo Minh tăng vốn điều lệ từ hơn 1.505 tỷ đồng lên hơn 1.656 tỷ đồng. Trước đó, Đại hội đồng cổ đông năm 2026 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 với tổng tỷ lệ 15%, gồm 5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn điều lệ của Bảo Minh dự kiến tăng thêm khoảng 150,5 tỷ đồng. Theo thông báo của Bộ Tài chính, Bảo Minh cần thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc tăng vốn theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm, pháp luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được chấp thuận nguyên tắc, Bảo Minh phải báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Về kết quả kinh doanh, căn cứ Báo cáo tài chính bán niên 2026 đã được soát xét, lợi nhuận sau thuế của Bảo Minh đạt 181,1 tỷ đồng, tăng 26,23% so với mức 143,5 tỷ đồng của cùng kỳ năm 2025. Theo giải trình của Bảo Minh, tăng trưởng lợi nhuận đến từ kết quả tích cực của nhiều hoạt động. Trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, doanh thu thuần tăng 5,75%, tương ứng tăng 154,7 tỷ đồng, trong khi tổng chi phí hoạt động tăng 5,80%, tương ứng tăng 143,6 tỷ đồng. Qua đó, lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng 11,1 tỷ đồng so với cùng kỳ. Hoạt động tài chính cũng ghi nhận kết quả tích cực, với lợi nhuận gộp tăng 23,14%, tương ứng tăng 15,4 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 26,8 tỷ đồng, góp phần cải thiện lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Kết quả từ các hoạt động trên, cùng với biến động của các khoản thu nhập và chi phí khác, giúp lợi nhuận trước thuế tăng hơn 50 tỷ đồng. Sau khi ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế tăng 37,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 26,23% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

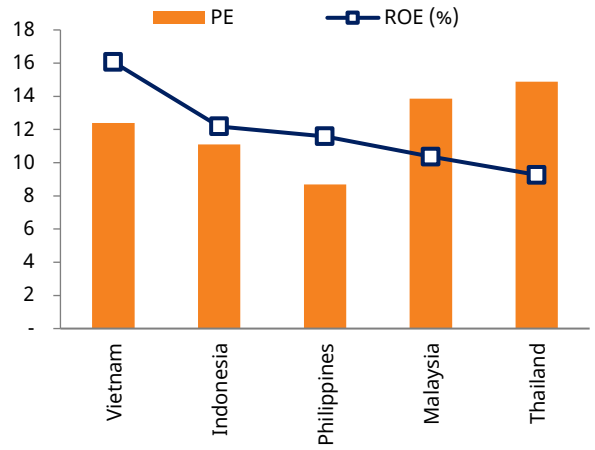
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



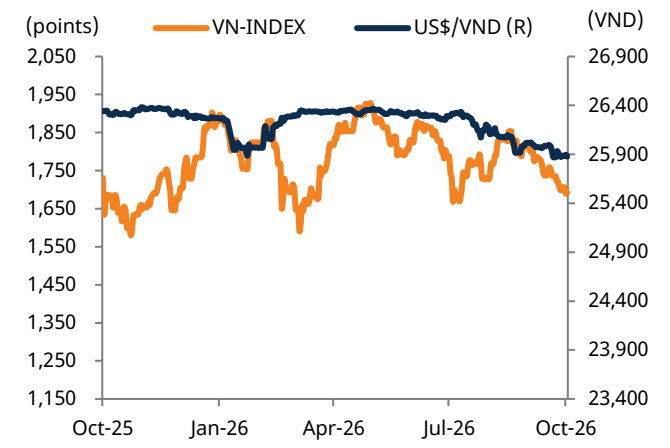
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



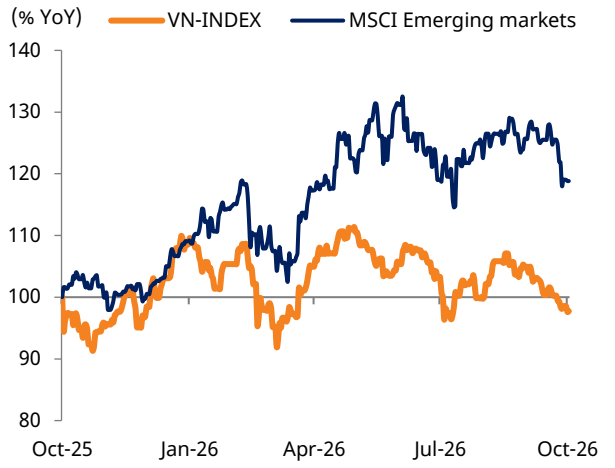
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



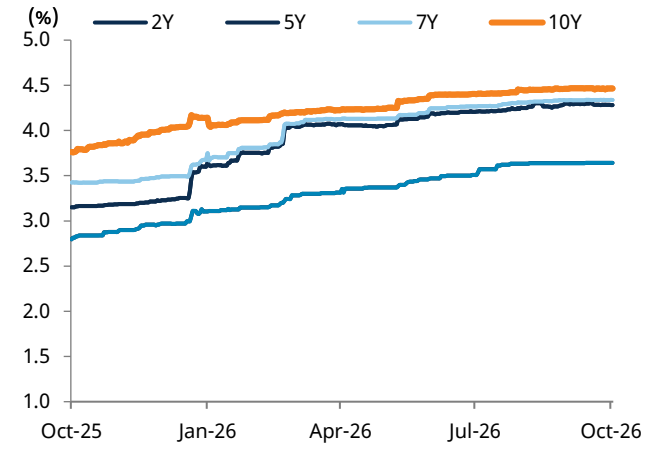
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



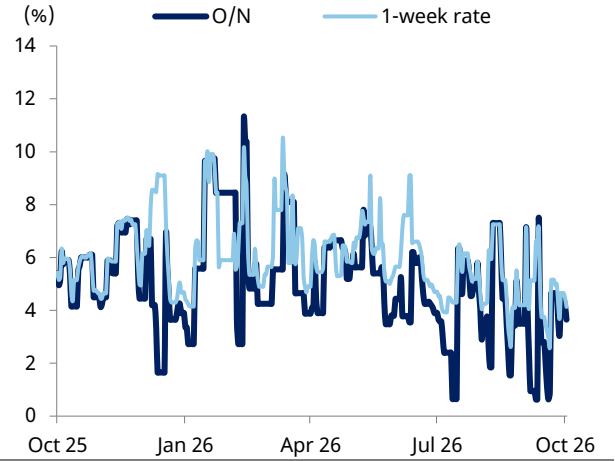
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,151,517**	**1,691.97**	**1,936.55**	**1,578.42**	**0.1**	**-1.6**	**-6.8**	**3.4**	**12.4**	**1.9**	**16.1**					
VN30 Index		**6,158,399**	**1,845.51**	**2,121.13**	**1,737.11**	**0.3**	**-0.8**	**-6.0**	**-1.4**	**10.9**	**1.9**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	117,540	20,250	23,982	19,204	0.0	-1.0	-7.5	-7.7	7.5	1.2	16.7	23.1	6/15/2026	619	3.1	3.4
Bank for Investment and Development	BID VN	261,739	33,650	52,975	32,150	0.0	0.9	-5.9	-1.5	7.9	1.4	16.5	17.4	7/17/2026	0	1.3	1.3
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	143,710	28,700	39,600	13,500	-0.5	-5.3	-5.0	79.7	7.2	1.9	30.4	1.6	8/11/2026	300	1.0	0.7
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	236,503	30,450	43,500	28,400	-0.2	3.6	0.7	-9.9	5.9	1.2	22.2	24.5	7/23/2026	0	1.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	108,241	57,400	98,818	55,800	0.5	2.0	-11.9	-27.4	10.8	2.7	27.3	27.9	5/28/2026	1,818	3.2	3.2
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	184,349	76,400	131,500	56,000	-0.4	-2.7	-13.2	34.0	14.5	2.7	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.3	3.6
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	127,200	31,800	46,500	24,500	1.4	-1.7	-0.3	25.9	18.0	2.1	12.1	N/A	11/13/2025	400	1.3	1.3
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	143,802	22,100	23,450	17,230	-2.9	-4.3	4.5	23.2	7.2	1.7	25.8	19.4	7/12/2024	0	N/A	N/A
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	178,148	21,100	27,000	19,600	2.7	3.2	-2.1	-10.9	7.9	1.3	17.4	21.7	5/11/2026	455	2.2	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	113,069	37,850	58,500	37,200	-1.6	-3.7	-21.1	-20.3	10.0	2.6	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	7.9	7.9
Military Commercial JCB	MBB VN	197,851	19,650	24,426	17,678	-0.3	3.1	-1.3	-6.0	6.4	1.3	22.1	22.4	7/9/2026	828	4.2	4.3
Masan Consumer Corp	MCH VN	182,906	139,900	183,343	125,000	0.1	-0.9	-2.2	N/A	25.9	9.7	39.4	11.1	8/10/2026	4,074	2.9	3.6
Masan Group Corp	MSN VN	107,484	73,600	88,800	61,700	1.7	3.5	7.6	-10.1	15.9	2.8	19.5	24.3	7/4/2022	0	N/A	1.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	110,529	74,900	94,400	62,500	0.9	0.1	3.3	-7.4	11.2	3.1	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.7	3.1
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	54,894	42,800	57,100	42,050	0.0	-0.6	-3.4	-2.7	11.9	2.8	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.7	11.1
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	56,376	10,550	17,741	9,550	0.0	1.0	-10.6	-36.5	4.0	0.7	17.5	4.3	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	54,004	15,750	24,800	13,234	-1.3	-3.7	-34.6	9.1	18.6	1.3	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	59,637	19,950	31,728	18,083	0.8	5.6	-6.8	-30.7	11.8	1.5	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.2	4.4
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	117,449	62,300	79,000	45,950	0.8	-5.0	-20.3	13.5	19.2	1.9	5.0	10.7	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	240,578	33,950	40,650	27,800	2.1	3.0	7.4	-10.3	8.4	1.3	16.1	20.3	5/19/2026	700	2.1	2.5
Techcom Securities JSC	TCX VN	92,889	27,900	45,000	26,600	0.4	3.0	-11.4	N/A	14.9	2.0	16.1	8.4	4/7/2026	0	1.2	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	466,247	55,800	78,800	52,600	-0.7	-0.9	-6.8	-6.1	11.2	1.9	18.0	19.9	7/23/2026	450	0.8	1.0
Vinhomes JSC	VHM VN	474,817	57,800	86,650	43,450	-4.1	-10.2	-18.6	7.0	6.0	1.8	33.1	6.3	6/29/2026	3,000	5.2	2.7
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	51,252	13,750	18,082	12,831	0.0	-0.4	1.1	-17.9	6.9	1.1	16.2	3.7	4/29/2026	822	6.0	5.7
Vingroup JSC	VIC VN	1,622,297	209,000	265,000	93,000	1.0	-5.9	-13.3	114.5	74.7	9.3	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	97,983	127,400	169,231	111,923	-0.1	-0.6	-1.2	-5.1	44.5	3.7	8.7	5.3	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	120,590	57,700	75,500	54,600	0.3	-0.5	-5.7	4.9	12.2	3.8	31.1	49.7	6/26/2026	4,350	8.1	7.9
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	240,000	24,000	25,230	18,962	0.0	-1.6	10.2	1.7	7.7	1.3	18.3	22.2	5/15/2026	397	1.7	1.7
Vinpearl JSC	VPL VN	144,361	80,500	111,000	67,000	0.6	2.4	-0.9	9.5	48.2	3.3	7.5	6.6	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	53,059	23,350	41,300	20,900	1.3	2.6	-8.4	-38.8	7.3	1.1	15.5	11.3	6/30/2026	1,000	4.3	0.0

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.